

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						240 112	87 578	143 294			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>71 346</u>	<u>20 877</u>	<u>50 469</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						22 316	20 877	1 439			
1		ĐẠM NINH BÌNH	23/10	1338/10	31/10	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045	3 013	32	24/10	HỘ LỎN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	25/10	1340/10	31/10	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700	1 693	7	25/10	HỘ LỎN	MỐN: 1.679,81
3		THAN MIỀN NAM	23/10	22/10	30/10	VIỆT THUẬN 075-01	CÁM 5A.1	3 600	3 594	6	26/10	BAUXIT	
4		THAN MIỀN NAM	23/10	22/10	30/10	VIỆT THUẬN 075-01	CỤC 4A.2	3 100	3 080	20	26/10	BAUXIT	
5		KDT HÀ NAM NINH	26/10	23/10	31/10	BN 2189	CÁM 5A.1	1 400	1 400		25/10	PTCB	
6		KDT HÀ BẮC	26/10	26/10	31/10	BN 2369	CÁM 5A.1	2 400	2 395	5	26/10	PTCB	
7		KDT HÀ BẮC	26/10	27/10	31/10	BN 2555	CÁM 5A.1	2 950	2 934	16	26/10	PTCB	
8		ĐTTM&DV	19/10	1300/10	26/10	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 050	1 047	3	24/10	TD	GIA HẠN L1
9		TTC	26/10	24/10	31/10	HN 2028	CỤC 4A.1	1 150	1 145	5	26/10	TD	
10		TNV HẢI DƯƠNG	20/10	04/10	27/10	BN 2212	CỤC XỔ 1C	1 921	576	1 345	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						49 030		49 030			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	18/10	1334/10	31/10	HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỎN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	17/10	1330/10	31/10	VIỆT THUẬN 235-07	CÁM 6A.14	23 050		23 050		HỘ LỎN	
3		DVVT QN	23/10	1294/10	30/10	BN 2629	CỤC XỔ 1C	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
4		V TRACO	26/10	25/10	31/10	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>50 950</u>	<u>5 600</u>	<u>45 350</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						23 600	5 600	18 000			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	17/10	1331/10		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 5B.14	23 600	5 600	18 000	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 9.600 - KDTCP: 14.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						27 350		27 350			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	23/10	1339/10		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 350		27 350		HỘ LỎN	KDTCP: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 4.350
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>43 556</u>	<u>14 316</u>	<u>29 240</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						17 010	14 316	2 694			
1		COALIMEX	19/10	685	27/10	GIA THÀNH 68	CÁM 8A	3 000	2 991	9	24/10	PT CB	ĐN - CS
2		NINH BÌNH	21/10	732	28/10	BN 2638	CÁM 8A	1 695	1 692	3	24/10	TD	CAO SƠN
3		CP DV VT QUẢNG NINH	18/10	594B	24/10	BN - 0979	CỤC 1B	1 100	1 095	5	24/10	TD	ĐN - CS
4		CP ĐTTM&DV	19/10	652	26/10	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000	993	7	25/10	TD	THỐNG NHẤT
5		CP ĐTTM&DV	19/10	652	26/10	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940	932	8	25/10	TD	ĐN - CS
6		CP ĐTTM&DV	22/10	755	29/10	TD 38 CG	CÁM 8A	4 192	2 088	2 104	dỡ	TD	ĐN - CS
7		HẢI PHÒNG	24/10	845	31/10	HP - 4850	CÁM 7A	1 000	978	22	26/10	TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		CP ĐTTM&DV	24/10	851	31/10	HD - 1818	CÁM 7C	1 981	1 955	26	26/10	TD	ĐN - CS
9		SÔNG HỒNG	23/10	805	30/10	BN - 1758	CÁM 8A	1 102	606	496	dở	TD	ĐN - CS
10		NINH BÌNH	22/10	759	29/10	BN - 1666	CỤC 1B	1 000	987	13	26/10	TD	CAO SƠN
		Tàu đã làm lệnh						26 546		26 546			
1		COALIMEX	26/10	944	31/10	VIỆT THUẬN TĐ 05	CÁM 7A	3 350		3 350		PT CB	ĐN - CS
2		CP VT&KD THAN	23/10	511	30/10	BN - 0695	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		CẦU ĐUÔNG	26/10	579	31/10	BN - 0567	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		XD CN MỎ	26/10	628	31/10	BN 1296	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		CP ĐTTM&DV	26/10	631	31/10	BN 1468	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
6		CP ĐTTM&DV	20/10	688	27/10	BN - 2519	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
7		CP DVVT QUẢNG NINH	21/10	725	28/10	HD - 2095	CÁM 8A	1 950		1 950		TD	CAO SƠN
8		NINH BÌNH	22/10	757	29/10	BN - 2122	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	CAO SƠN
9		CP HÁNG HẢI VN	23/10	819	30/10	BN - 2397	CỤC 1B	1 016		1 016		TD	ĐN - CS
10		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	23/10	821	30/10	BN - 1997	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
11		COALIMEX	24/10	844	31/10	BN - 1336	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
12		HÀ NỘI	24/10	852	31/10	BN - 1883	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
13		XD CN MỎ	24/10	858	31/10	BN - 1959	CÁM 8A	1 250		1 250		TD	ĐN - CS
14		XD CN MỎ	24/10	859	31/10	BN - 2728	CÁM 8A	2 580		2 580		TD	ĐN - CS
15		HẢI PHÒNG	25/10	889	31/10	HP - 4880	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	CAO SƠN
16		CP ĐTTM&DV	25/10	890	31/10	HP - 6093	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	ĐN - CS
17		CẦU ĐUÔNG	26/10	930	31/10	BN - 2365	CỤC 1C	900		900		TD	MỎNG DƯƠNG
18		CẦU ĐUÔNG	26/10	931	31/10	BN - 1996	CỤC 1B	1 800		1 800		TD	THỐNG NHẤT - THAY TB 1118/9
III		KHO BẢO NGUYỄN						3 380	2 372	1 008			
		Tàu đã làm hàng						2 380	2 372	8			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	25/10	1341/10	31/10	TĐ 01-CHN	CÁM 5B.14	2 380	2 372	8	26/10	HỘ LỎN	
		Tàu đã làm lệnh						1 000		1 000			
1		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	25/10	891/10	31/10	BN 1368	CỤC XỎ 1B	1 000		1 000		TD	
IV		KHO CẢNG KM6						9 240	8 013	1 227			
		Tàu đã làm hàng						9 240	8 013	1 227			
1		THAN MIỀN NAM	23/10	820	30/10	HOÀNG ANH 668	CỤC 4A.2	1 840	1 788	52	25/10	BAUXIT	
2		THAN MIỀN NAM	23/10	820	30/10	HOÀNG ANH 668	CÁM 5A.1	2 300	2 261	39	24/10	BAUXIT	
3		COALIMEX	23/10	800	30/10	BN 2087	CÁM 6A.1	1 300	1 292	8	24/10	PTCB	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]